TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 04 - 2026.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thuỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đẹp

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Chúc M, sinh năm 2005

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

2.Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Chị M có đơn xin vắng mặt. Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Chúc M có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng có ý kiến trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2023, sau khi tìm hiểu nhau một thời gian thì chị M và anh T tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng

ký kết hôn ngày 19/5/2023 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình vợ chồng chung sống sau khoảng 01 năm hạnh phúc, đến tháng 05 năm 2025 giữa chị M và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên ghen tuông, cự cải và tác động vật lý chị M. Chị M đã chịu đựng nhiều lần, do sức khoẻ và tinh thần bị ảnh hưởng nên chị M bỏ trốn lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm. Nay chị M nhận thấy tình cảm với anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M không cần có thêm thời gian để suy nghĩ đoàn tụ, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh T nên chị M yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên Trần Đình N, sinh ngày 01/4/2024.

Trước đây con sống chung với chị M, hiện nay con đang sống với anh T. Trước đây chị M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nay chị M thay đổi yêu cầu đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Đình T:*** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay thì anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh T chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Chúc M. Chị M được ly hôn anh Trần Đình T.

+ Về nuôi con chung: Anh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Đình N, sinh ngày 01/4/2024, hiện đang sống với anh T. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M cấp dưỡng nuôi cháu N với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Đình T cư trú tại ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa được mở lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Chị Lê Chúc M và anh Trần Đình T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) vào ngày 19/5/2023, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vã nhau do anh T ghen tuông. Chị M bỏ đi không chung sống với anh T từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay, từ khi chị M bỏ đi anh T, chị M không quan tâm, không liên lạc với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt. Về phía anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết việc chị M có yêu cầu ly hôn nhưng anh T vẫn không có ý kiến gì, không đến Tòa án tham gia tố tụng, điều này chứng tỏ anh T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Khoản 1 điều 56 luật hôn nhân gia đình, xét thấy việc chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi sinh ra cháu N đã sống chung với anh T và chị M ở T- Đồng Tháp, tuy nhiên sau đó chị M và anh T ly thân nên chị M đưa cháu N về Cà Mau sinh sống vài tháng, trong quá Toà án thụ lý giải quyết vụ án, do chị M đi làm xa, không có điều kiện chăm sóc con nên đã giao cháu N lại cho anh T nuôi dưỡng, qua xác minh bà Lê Thị P là mẹ ruột của anh T thì anh T đồng ý nuôi cháu N. Ngoài ra, bà P sẽ tiếp anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, từ khi cháu N được cha và bên nội chăm sóc, nuôi dưỡng thì cháu vẫn phát triển tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu N cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi, trong khi đó anh T không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng. Đồng thời, mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng mà chị M đưa ra là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị M.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự xác định là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Chúc M phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Chúc M được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Anh Trần Đình T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Đình N, sinh ngày 01/4/2024 (hiện đang sống với anh T).

Chị Lê Chúc M được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Chúc M cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Đình T, sinh ngày 01/4/2024 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Chúc M nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002445 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị M còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV8-ĐT;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã T, tỉnh Cà Mau;

(GCNKH: 73, ngày 19/05/2023 của UBND xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau)

- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT. (M)

Võ Thanh Thuỳ